

Số: 175 /QĐ-HV

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình giáo dục đại học Chất lượng cao trình độ đại học ngành Kế toán chuẩn quốc tế - ACCA

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 939/QĐ-HV ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc ban hành Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng Khoa Tài chính kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **Chương trình giáo dục đại học Chất lượng cao trình độ đại học ngành Kế toán chuẩn quốc tế - ACCA** của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (*Chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Phó Giám đốc Phụ trách Cơ sở Học viện tại Tp. Hồ Chí Minh, Chánh văn phòng, Trưởng các Phòng: Đào tạo, Giáo vụ, Chính trị & Công tác sinh viên, Tài chính kế toán, Quản lý Khoa học công nghệ & hợp tác quốc tế; Trưởng Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng các Khoa đào tạo 1 và 2, Trưởng Bộ môn Marketing, Giám đốc Trung tâm Đào tạo quốc tế và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ TT&TT (để b/c);
- Hội đồng học viện (để b/c);
- Ban Giám đốc HV;
- Lưu VT, ĐT (03).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS Trần Quang Anh

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CHẤT LƯỢNG CAO *ADVANCED QUALITY EDUCATION PROGRAM*

Tên chương trình (Program Name): Kế toán - Chất lượng cao chuẩn quốc tế - ACCA

Tên ngành (Major, Vietnamese): Kế toán

Tên ngành (Major, English): Accounting

Trình độ đào tạo (Degree): Đại học (Bachelor)

Mã ngành (Code): 7340301

Hình thức đào tạo (Form of Education): Chính quy (Full time)

(Kèm theo Quyết định số ~~175~~ 75/QĐ-HV ngày ~~26~~ 26 tháng ~~01~~ 01 năm 2024 của Giám đốc Học viện)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung (Goals)

Chương trình đào tạo ngành Kế toán chất lượng cao chuẩn quốc tế - ACCA của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông được thiết kế nhằm đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực trình độ cử nhân ngành Kế toán chất lượng cao chuẩn quốc tế - ACCA. Bên cạnh các môn học thuộc chuyên ngành kế toán chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam, toàn bộ các môn học thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, thuế được xây dựng theo thông lệ và chuẩn mực kế toán quốc tế đáp ứng chuẩn chứng chỉ ACCA- Anh Quốc. Chương trình chất lượng cao tăng cường khả năng sử dụng tiếng Anh của sinh viên trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và công việc chuyên môn trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính và thuế. Chương trình được thiết kế khoa học với những định hướng, mục tiêu đào tạo rõ ràng và cụ thể nhằm giúp sinh viên tốt nghiệp có thể hội nhập tốt vào thị trường lao động quốc tế trong điều kiện toàn cầu hóa hiện nay.

Chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Sự mạng và Tầm nhìn; đảm bảo Triết lý giáo dục “Tri thức – Sáng tạo – Đạo đức – Trách nhiệm” của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

The high-quality education program (CLC) in International Standard Accounting - ACCA of the Posts and Telecommunications Institute of Technology is designed to train and supply human resources for bachelor's degree in Accounting according to ACCA international quality standards. International Standard Accounting Program - ACCA is built on the basis of the undergraduate training program in accounting of the Posts and Telecommunications Institute of Technology. In parallel with the subjects in accounting according to the regulations and standards of Vietnam, all subjects in the field of accounting, auditing, finance and tax are built according to international accounting practices and standards at an advanced level to meet ACCA-UK certification standards. High-quality program enhances students' ability to use English in communication, study,

research and professional work in the field of accounting, auditing, finance, taxation. The program is scientifically designed with clear and specific training orientations and objectives to help graduates integrate well into the international labor market in the current globalized conditions.

The training program is built in accordance with the Mission and Vision; ensure the educational philosophy "Knowledge – Creativity – Ethics – Responsibility" of the Posts and Telecommunications Institute of Technology.

1.2. Mục tiêu cụ thể (Program Learning Objectives – POs)

Chương trình đào tạo ngành Kế toán chất lượng cao chuẩn quốc tế - ACCA trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn, kỹ năng và năng lực cần thiết để thực hiện các công việc trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính và thuế theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam, thông lệ và chuẩn mực kế toán quốc tế thích ứng môi trường thay đổi trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa hiện nay.

The high-quality training program in International Standard Accounting - ACCA aims to equip students with the necessary professional knowledge, skills and competencies to perform jobs in the field of accounting, auditing, finance and taxation in accordance with Vietnamese regulations and standards, international practices and standards adapted to the environment changing in the current period of international economic integration and globalization.

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên sẽ nhận được **bằng Cử nhân Kế toán chất lượng cao trình độ đại học hệ chính quy (The Degree of Bachelor Accounting – HONOR)** của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông và có năng lực đạt được chứng chỉ **“Diploma in Accounting and Business”** do ACCA - Anh Quốc cấp. Cụ thể:

After completing the training program, students will receive a high-quality Bachelor of Accounting (HONOR) degree from the Posts and Telecommunications Institute of Technology and have the ability to achieve the certificate "Diploma in Accounting and Business" issued by ACCA - UK.

[PO1] Có sức khỏe, phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, tư duy sáng tạo, tinh thần trách nhiệm và bản lĩnh trong nghề nghiệp;

[PO1] Have health, political qualities, professional ethics, creative thinking, sense of responsibility and bravery in the profession;

[PO2] Có kiến thức căn bản và phương pháp luận về khoa học kinh tế, chính trị, xã hội, pháp luật, kinh doanh và quản lý;

[PO2] Have basic knowledge and methodology in economic, political, social, legal, business and management sciences;

[PO3] Có kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành nghề nghiệp theo chuẩn mực quốc tế và Việt Nam trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, thuế và tài chính;

[PO3] Have basic knowledge and methodology in economic, political, social, legal, business and management sciences;

[PO4] Thành thạo ngoại ngữ và có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, thuế và tài chính;

[PO4] Proficiency in foreign languages and ability to apply information technology in the fields of accounting, auditing, taxation and finance;

[PO5] Có khả năng học tập và nghiên cứu suốt đời.

[PO5] Ability for lifelong learning and research.

2. CHUẨN ĐẦU RA (LEARNING OUTCOMES – LOs)

2.1. Chuẩn về kiến thức (Knowledge)

[LO1] Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và xã hội, chính trị và pháp luật trong học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động nghề nghiệp;

[LO1] Apply basic knowledge of social, political and legal sciences in studying, researching and carrying out professional activities;

[LO2] Tổ chức và triển khai thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thuế, tài chính theo chuẩn mực Việt Nam và chuẩn mực quốc tế, đạt chuẩn ACCA;

[LO2] Organize and implement accounting, auditing, tax and financial activities in accordance with Vietnamese and international standards, meeting ACCA standards;

[LO3] Vận dụng các phương pháp phân tích thông tin kế toán tài chính, kế toán quản trị phục vụ việc ra quyết định.

[LO3] Apply methods of analyzing financial accounting and management accounting information for decision making.

[LO4] Tổng hợp được các kiến thức và thực tiễn của chuyên ngành Kế toán bao gồm kế toán tài chính, kế toán quản trị, thuế, kiểm toán, quản trị tài chính, luật phù hợp với các quy định của Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tế.

[LO4] Synthesize the knowledge and practice of Accounting including financial accounting, management accounting, taxation, auditing, financial management, law in accordance with Vietnamese regulations and international standards.

2.2. Chuẩn về kỹ năng (Skills)

2.2.1. Kỹ năng chuyên môn (Professional skills)

[LO5] Có kỹ năng phân tích, đánh giá, cung cấp thông tin cho việc đề ra quyết định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, thuế và tài chính;

[LO5] Have skills in analyzing, evaluating and providing information for decision making in the field of accounting, auditing, tax and finance;

2.2.2. Kỹ năng bổ trợ và kỹ năng mềm (Complementary skills and soft skills)

[LO6] Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm.

[LO6] Have skills in communication, presentation, teamwork.

2.3. Ngoại ngữ và tin học (Foreign language and Informatics)

[LO7] Sử dụng thành thạo tiếng Anh **đạt TOEFL iBT 70/120** hoặc IELTS 6.0 trở lên hoặc tương đương; Sử dụng tiếng Anh phục vụ học tập, nghiên cứu và thực tiễn công việc.

[LO7] Proficiency in English with TOEFL iBT 70/120 or equivalent; Use English for study, research and practical work.

[LO8] Sử dụng thành thạo tin học văn phòng **đạt chuẩn MOS** và các phần mềm hỗ trợ trong lĩnh vực chuyên môn.

[LO8] Proficient in using office informatics meeting MOS standards and supporting software in the field of expertise.

2.4. Năng lực tự chủ, trách nhiệm và hành vi đạo đức (Autonomy, responsibility and ethical behavior)

[LO9] Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc; Có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ trong công tác chuyên môn và quản lý;

[LO9] Having moral qualities, professional awareness, civic responsibility, initiative in creativity, awareness and capacity for cooperation at work; Ability to guide and supervise others to perform tasks in professional and management work;

[LO10] Có khả năng tự định hướng, đưa ra các quyết định liên quan đến công tác chuyên môn và quản lý, đồng thời có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; Có năng lực lập kế hoạch, phát huy trí tuệ tập thể và đánh giá, cải tiến các hoạt động liên quan đến chuyên môn Kế toán, kiểm toán, thuế, tài chính; có khả năng thích nghi và hội nhập tốt với sự thay đổi trong môi trường làm việc có tính quốc tế.

[LO10] Ability to self-direct, make decisions related to professional and managerial work, and be able to defend personal views; Ability to plan, promote collective intelligence and evaluate and improve activities related to accounting, auditing, tax and finance expertise; Ability to adapt and integrate well with changes in the international working environment.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA (TOTAL CREDITS): 134 tín chỉ/134 credits (không bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và các môn kỹ năng mềm dành cho sinh viên chương trình Kế toán CLC)

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH VÀ YÊU CẦU ĐẦU VÀO (ENROLLMENT REQUIREMENTS)

a) Là người đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, tham dự và trúng tuyển (đạt yêu cầu đầu vào) trong kỳ tuyển sinh đại học hệ chính quy với tổ hợp xét tuyển Toán, Lý, Hóa (A00) hoặc Toán, Lý, Anh (A01) hoặc Toán, Văn, Anh (D01) hoặc các phương thức xét tuyển riêng của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

a) Being a person who has graduated from high school or equivalent, attends and matriculates (meets the entrance requirements) in the regular university entrance examination or separate admission methods of the Posts and Telecommunications Institute of Technology;

b) Thí sinh là người nước ngoài có văn bằng tốt nghiệp tương đương văn bằng tốt nghiệp THPT của Việt Nam, có đủ năng lực tiếng Việt và tiếng Anh để học tập và nghiên cứu.

b) Candidates who are foreigners with diplomas equivalent to Vietnamese high school diplomas and have sufficient Vietnamese and English language capacity for study and research.

c) Thí sinh sau khi trúng tuyển phải tham dự kỳ kiểm tra trình độ tiếng Anh và phải đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu từ TOEFL iBT 31 điểm hoặc IELTS 4.0 điểm trở lên hoặc tương đương để đủ năng lực học tập và nghiên cứu. Các thí sinh chưa đạt yêu cầu trình độ tiếng Anh sẽ phải học khóa học tiếng Anh tăng cường trong học kỳ đầu tiên

c) After matriculation, candidates must take an English proficiency test and must achieve a minimum English proficiency of TOEFL iBT 31 or IELTS 4.5 points or equivalent to be able to study and research. Candidates who do not meet the English language proficiency requirements will have to take an intensive English course in the first semester.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP (EDUCATION PROCEDURE, GRADUATION REQUIREMENTS)

5.1. Quy trình đào tạo (Education procedure)

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại Học viện và 1 kỳ thực tập thực tế tại cơ sở. Cuối khóa, sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp hoặc hoàn thành các học phần thay thế hoặc đề án tốt nghiệp.

Sinh viên được đào tạo theo phương thức đào tạo tín chỉ, áp dụng Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Học viện.

The training program is implemented in 4 years including 8 semesters, of which 7 semesters accumulate knowledge at the Academy and 1 practical internship at the institution. At the end of the course, students take the Graduation Thesis Course or complete graduate alternative modules.

Students are trained in the mode of credit training, applying the current Credit Training Regulations of the Ministry of Education & Training and the PTIT.

5.2. Công nhận tốt nghiệp (Graduation requirements)

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên sẽ nhận được **bằng Cử nhân Kế toán** chất lượng cao trình độ đại học hệ chính quy (**The Degree of Bachelor Accounting – HONOR**) của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông và có năng lực đạt được chứng chỉ “**Diploma in Accounting and Business**” do ACCA - Anh Quốc cấp.

6. Thang điểm (Grading scale): Theo thang điểm tín chỉ

Điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá điểm thành phần của các môn học/học phần.

	Thang điểm (Grading scale): 10	Thang điểm (Grading scale): 4	
		Điểm chữ/Grade	Điểm số/Value
Điểm đạt/Pass	Từ 9,0 đến 10,0 <i>From 9,0 to 10,0</i>	A+	4,0
	Từ 8,5 đến 8,9 <i>From 8,5 to 8,9</i>	A	3,7
	Từ 8,0 đến 8,4 <i>From 8,0 to 8,4</i>	B+	3,5
	Từ 7,0 đến 7,9 <i>From 7,0 to 7,9</i>	B	3,0
	Từ 6,5 đến 6,9 <i>From 6,5 to 6,9</i>	C+	2,5
	Từ 5,5 đến 6,4 <i>From 5,5 to 6,4</i>	C	2,0
	Từ 5,0 đến 5,4 <i>From 5,0 to 5,4</i>	D+	1,5
	Từ 4,0 đến 4,9 <i>From 4,0 to 4,9</i>	D	1,0
Không đạt/Fail	Dưới 4,0 <i>Under 4,0</i>	F	0,0
Loại điểm không phân mức (áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình chung học tập): Từ 5,0 điểm trở lên, kiểm chữ là P			

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PROGRAM CURRICULUM)

7.1 Cấu trúc chương trình đào tạo (Educational Knowledge Structure)

STT	Khối kiến thức (Block of Knowledge)	Số tín chỉ (Credits)
1	Kiến thức giáo dục đại cương (General Education Knowledge)	46
1.1	Khối kiến thức chung (General Knowledge)	38
1.1.1	Lý luận chính trị (Political Theory)	11
1.1.2	Tin học (Informatic)	3
1.1.3	Tiếng Anh (English)	24
1.2	Khối kiến thức khoa học tự nhiên và xã hội (Knowledge related to Natural and Social Sciences)	8
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (Professional Education Knowledge)	78
2.1	Khối kiến thức cơ sở ngành (Basic Knowledge of Major Field)	39
2.2	Khối kiến thức chuyên ngành (Specialized Professional Knowledge)	39
3	Thực tập và Tốt nghiệp (Internship and Dissertation)	10
	TỔNG CỘNG (TOTAL)	134

7.2 Nội dung chương trình chi tiết (Curriculum)

7.2.1. Khối kiến thức chung (General Knowledge)

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm / Thực hành (tiết)	Tự học – Self study (tiết)	Ngôn ngữ giảng dạy (Language)
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập / Thảo luận (tiết)			
1	Triết học Mác-Lênin (Philosophy of marxism and Leninism)	BAS1150	3	34	10		1	Tiếng Việt (Vietnamese)
2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin (Political economics of Marxism and Leninism)	BAS1151	2	24	6			Tiếng Việt (Vietnamese)
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)	BAS1152	2	24	6			Tiếng Việt (Vietnamese)
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)	BAS1122	2	24	6			Tiếng Việt (Vietnamese)
5	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam (History of Vietnamese communist party)	BAS1153	2	24	6			Tiếng Việt (Vietnamese)
6	Tiếng Anh (Course 1)_CLC (*) (English – Course 1- High quality)	BAS1162_CLC	8					
7	Tiếng Anh (Course 2)_CLC (English – Course 2- High quality)	BAS1163_CLC	8					
8	Tiếng Anh (Course 3)_CLC (English – Course 3- High quality)	BAS1164_CLC	8					
9	Tin học cơ sở theo chuẩn quốc tế (Basic informatics - International standard)	INT11177_CLC	3					Tiếng Anh (English)
Tổng:			38					
Giáo dục thể chất và quốc phòng								
1	Giáo dục thể chất 1 (Physical education 1)	BAS1106	2	2		26	2	
2	Giáo dục thể chất 2 (Physical education)	BAS1107	2	2		26	2	
3	Giáo dục Quốc phòng (National Defense Education)	BAS1105	7,5					
Kiến thức các môn kỹ năng (chọn 3/7)								
1	Kỹ năng thuyết trình (Presentation Skill)	SKD1101	1	6	8		1	Tiếng Việt (Vietnamese)
2	Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork skill)	SKD1102	1	6	8		1	Tiếng Việt (Vietnamese)
3	Kỹ năng tạo lập Văn bản (Word processing skill)	SKD1103	1	6	8		1	Tiếng Việt (Vietnamese)
4	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc (Planning and organising in work skill)	SKD1104	1	6	8		1	Tiếng Việt (Vietnamese)
5	Kỹ năng giao tiếp (Communication skill)	SKD1105	1	6	8		1	Tiếng Việt (Vietnamese)
6	Kỹ năng giải quyết vấn đề (Problem solve skill)	SKD1106	1	6	8		1	Tiếng Việt (Vietnamese)
7	Kỹ năng tư duy sáng tạo (Creative thinking skill)	SKD1107	1	6	8		1	Tiếng Việt (Vietnamese)

(*) Điều kiện để đăng ký học phần tiếng Anh Course 1_CLC trong chương trình là sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh từ 360 điểm trở lên theo bài thi TOEFL ITP Placement

Test hoặc tương đương; các sinh viên chưa đạt mức điểm trên sẽ phải hoàn thành học phần tiếng Anh bổ trợ Course 0_CLC

7.2.2 Khối kiến thức Khoa học tự nhiên và xã hội (Knowledge related to Natural and Social Sciences)

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm / Thực hành (tiết)	Tự học – Self study (tiết)	Ngôn ngữ giảng dạy
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập / Thảo luận (tiết)			
10	Pháp luật đại cương (General Law)	BSA1221_CLC	2	24	6			Tiếng Việt (Vietnamese)
11	Toán cao cấp cho kinh tế (Advanced mathematics for economics)	BAS1267_CLC	4	42	18			Tiếng Anh (English)
12	Luật kinh doanh (Business Law)	BSA1314_CLC	2	24	6			Tiếng Việt (Vietnamese)
Tổng:			8					

7.2.3 Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (Professional Knowledge)

7.2.3.1 Kiến thức cơ sở ngành và ngành (Basic Knowledge of Major Field)

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm / Thực hành (tiết)	Tự học – Self study (tiết)	Ngôn ngữ giảng dạy
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập / Thảo luận (tiết)			
13	Kinh doanh và Công nghệ 1 - ACCA (Business and Technology 1 - ACCA)	FIA1390_CLC	4	40	20			Tiếng Anh (English)
14	Kinh doanh và Công nghệ 2 - ACCA (Business and Technology 2 - ACCA)	FIA1391_CLC	4	40	20			Tiếng Anh (English)
16	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	FIA1321_CLC	3	36	8		1	Tiếng Việt (Vietnamese)
17	Tài chính tiền tệ (Money and Finance)	FIA1326_CLC	3	36	8		1	Tiếng Việt (Vietnamese)
18	Kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Vietnam Corporate Accounting)	FIA1392_CLC	3	30	15			Tiếng Việt (Vietnamese)
19	Kế toán tài chính 1 - ACCA (Financial Accounting 1 - ACCA)	FIA1382_CLC	4	40	20			Tiếng Anh (English)
20	Kế toán tài chính 2 - ACCA (Financial Accounting 2 - ACCA)	FIA1483_CLC	4	40	20			Tiếng Anh (English)
22	Kế toán Quản trị 1 – ACCA (Management Accounting 1 - ACCA)	FIA1393_CLC	4	40	20			Tiếng Anh (English)
23	Kế toán Quản trị 2 – ACCA (Management Accounting 2 - ACCA)	FIA1394_CLC	4	40	20			Tiếng Anh (English)
Học phần lựa chọn * (chọn 1 trong 2 tổ hợp môn gồm 6 tín chỉ)								

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học – Self study (tiết)	Ngôn ngữ giảng dạy
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
	Tổ hợp lựa chọn 1/Optional group 1							
25	Đổi mới sáng tạo trong tài chính, kế toán (Innovation in accounting and Finance)	FIA1376_CLC	2	24	6			Tiếng Việt (Vietnamese)
26	Thanh toán quốc tế (International Payment)	FIA1327_CLC	2	24	6			Tiếng Việt (Vietnamese)
27	Đầu tư chứng khoán (Securities and Investment)	FIA1343_CLC	2	24	6			Tiếng Việt (Vietnamese)
	Tổ hợp lựa chọn 2/ Optional group 2							
28	Phân tích hoạt động kinh doanh (Business Analysis)	BSA1320_CLC	2	24	6			Tiếng Việt (Vietnamese)
29	Thương mại điện tử (E-Commerce)	MAR1323_CLC	2	24	6			Tiếng Việt (Vietnamese)
30	Quản trị bán hàng (Sale Management)	MAR1329_CLC	2	24	6			Tiếng Việt (Vietnamese)
	Tổng:		39					

7.2.3.2 Kiến thức chuyên ngành (Specialized Professional Knowledge)

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học – Self study (tiết)	Ngôn ngữ giảng dạy
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
31	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo - ACCA (Audit and Assurance – ACCA)	FIA1495_CLC	4	40	20			Tiếng Anh (English)
32	Quản trị hiệu quả hoạt động - ACCA (Performance Management - ACCA)	FIA1496_CLC	3	30	15			Tiếng Anh (English)
33	Báo cáo tài chính 1 - ACCA (Financial Reporting 1 – ACCA)	FIA1497_CLC	4	40	20			Tiếng Anh (English)
34	Báo cáo tài chính 2 - ACCA (Financial Reporting 2 – ACCA)	FIA1498_CLC	2	20	10			Tiếng Anh (English)
35	Kiểm toán tài chính (Financial Auditting)	FIA1416_CLC	3	36	8		1	Tiếng Việt (Vietnamese)
36	Kế toán thuế (Tax Accounting)	FIA1499_CLC	3	30	15			Tiếng Việt (Vietnamese)
37	Thuế 1 - ACCA (Taxation 1 – ACCA)	FIA14100_CLC	4	40	20			Tiếng Anh (English)
38	Thuế 2 – ACCA (Taxation 2 – ACCA)	FIA14101_CLC	2	20	10			Tiếng Anh (English)

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học – Self study (tiết)	Ngôn ngữ giảng dạy
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
39	Quản trị tài chính 1 – ACCA (Financial Management 1 – ACCA)	FIA14102_CLC	4	40	20			Tiếng Anh (English)
40	Quản trị tài chính 2 – ACCA (Financial Management 2 – ACCA)	FIA14103_CLC	2	20	10			Tiếng Anh (English)
41	Hệ thống thông tin kế toán (Accounting Information System)	FIA1485_CLC	2	24	6			Tiếng Việt (Vietnamese)
Học phần lựa chọn ** (chọn 1 trong 2 tổ hợp gồm 6 tín chỉ)								
Tổ hợp lựa chọn 3/optional group 3								
42	Công nghệ và dữ liệu kế toán (Technology and data in Accounting)	FIA14105_CLC	2	20	10			Tiếng Việt (Vietnamese)
43	Ghi sổ và lập báo cáo tài chính (Financial Recording and Reporting)	FIA1446_CLC	2	24	6			Tiếng Việt (Vietnamese)
44	Kế toán số (Digital Accounting)	FIA14104_CLC	2	20	10			Tiếng Việt (Vietnamese)
Tổ hợp lựa chọn 4/ Optional group 4								
45	Kiểm toán hoạt động (Performance Audit)	FIA1447_CLC	2	24	6			Tiếng Việt (Vietnamese)
46	Kiểm toán nội bộ (Internal Audit)	FIA1438_CLC	2	24	6			Tiếng Việt (Vietnamese)
47	Kiểm soát quản lý (Management Control)	FIA1449_CLC	2	24	6			Tiếng Việt (Vietnamese)
Tổng :			39					

7.2.4. Thực tập và tốt nghiệp (Internship and Dissertation): 10 TC (10 credits)

- **Thực tập tốt nghiệp (Graduation Internship), (mã FIA15106_CLC): 4TC (4 credits)**
- **Khóa luận tốt nghiệp (mã FIA15107_CLC) hoặc Học phần thay thế tốt nghiệp (Dissertation of Graduation Module): 6TC (6 credits)**

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH (GUIDELINES FOR CONDUCTING TRAINING PROGRAM)

8.1. Kế hoạch học tập chuẩn (Kèm theo)

8.2. Tiến trình học tập chuẩn (Kèm theo)

8.3. Danh sách các học phần tiên quyết, trước sau (Kèm theo)

9. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC MÔN HỌC CỐT LÕI/CORE SUBJECTS DESCRIPTION

9.1. Kinh doanh và Công nghệ 1/ Business and Technology 1

Mã môn học (Course Code): FIA1390_CLC

Số tín chỉ (Credit): 04

Mô tả tóm tắt (Course Summary):

Mục tiêu của học Phần Kinh doanh và Công nghệ 1 Giới thiệu các khái niệm căn bản về Doanh nghiệp, những môi trường bên ngoài và bên trong tác động lên doanh nghiệp, các thức xây dựng tổ chức và hình thành văn hóa doanh nghiệp. Bên cạnh đó công tác kế toán kiểm toán, hệ thống kiểm soát nội bộ cũng được đề cập đến trong Học phần Khi hoàn thành, người học có thể: -Hiểu mục đích và các loại hình kinh doanh cũng như cách chúng tương tác với các bên liên quan chính và môi trường bên ngoài. -Nắm rõ cơ cấu tổ chức doanh nghiệp, chức năng và vai trò của quản trị doanh nghiệp. - Nhận biết các chức năng, hệ thống và công nghệ mới trong kế toán và kiểm toán trong việc truyền đạt, báo cáo và đảm bảo thông tin tài chính, bao gồm việc tuân thủ, kiểm soát nội bộ và bảo mật hiệu quả các dữ liệu tài chính và các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

The general point of the Business and Technology 1 is to present accountancy solidly in its unique circumstance as a critical business function, , and to introduce the accounting and reporting systems, controls and compliance. On successful completion of this exam, candidates should be able to -Understand the purpose and types of businesses and how they interact with key stakeholders and the external environment. -Understand business organization structure, functions and the role of corporate governance. - Recognize the functions, systems and new technologies in accountancy and audit in communicating, reporting and assuring financial information, including the effective compliance, internal control and security of financial and ethical consideration.

9.2. Kinh doanh và Công nghệ 2/ Business and Technology 2

Mã môn học (Course Code): FIA1391_CLC

Số tín chỉ (Credit): 04

Mô tả tóm tắt (Course Summary):

Mục tiêu của học phần Kinh doanh và Công nghệ 2 sẽ bao gồm các kiến thức liên quan đến cá nhân và nhóm lãnh đạo và quản lý, những tiêu chí liên quan đến cách thức con người thực hiện công việc như quản lý thời gian, vai trò của công nghệ thông tin trong việc nâng cao hiệu quả cá nhân, giao tiếp. Cuối cùng, BT 2 sẽ giới thiệu về đạo đức nghề nghiệp trong kế toán và kinh doanh. Khi hoàn thành thành công mô-đun này, người học có thể: - Nhận biết các nguyên tắc về quyền hạn và khả năng lãnh đạo cũng như cách các nhóm và cá nhân được tuyển dụng, quản lý, động viên và phát triển. - Hiểu được tầm quan trọng của hiệu quả cá nhân làm cơ sở cho hành vi nhóm và tổ chức hiệu quả. - Xác định được cách thức động viên các cá nhân và nhóm, hoạt động đào tạo và phát triển cũng như đánh giá hiệu suất công việc của các nhân và nhóm - Hiểu và phân tích được các vấn đề quản lý và giao tiếp trong doanh nghiệp.

The Business and Technology 2 will econcompasses the leading and managing individuals and teams. The course also draw the criteria that relate to the way people doing their jobs which are time management, the role of information technology in improving

personal effectiveness, communication. Lastly, the BT 2 will introduce the professional ethics in accounting and business. On successful completion of this module, candidates should be able to: - Recognize the principles of authority and leadership and how teams and individuals are recruited, managed, motivated and developed. - Understand the importance of personal effectiveness as the basis for effective team and organizational behavior. - Identify ways to motivate individuals and groups, train and develop activities, and evaluate individual and group performance - Identify and analysis of management and communication issues in businesses.

9.3. Kế toán tài chính 1 - ACCA/Financial Accounting 1 - ACCA

Mã môn học (Course Code): FIA1382_CLC

Số tín chỉ (Credit): 04

Mô tả tóm tắt (Course Summary):

Môn học này sẽ giới thiệu cho sinh viên về hệ thống kế toán, đặc điểm định tính của thông tin tài chính, nguyên tắc cơ bản của việc xử lý các giao dịch từ ghi chép trên sổ cái đến việc lập bảng cân đối thử. Môn học cũng phát triển kiến thức và hiểu biết của sinh viên về việc ghi chép các giao dịch về hàng tồn kho; tài sản cố định; dự phòng và các khoản nợ, tài sản tiềm tàng; thuế doanh thu, các khoản trích trước và trả trước. Kết thúc môn học, sinh viên sẽ có thể chứng minh trình độ kỹ thuật trong việc sử dụng kỹ thuật ghi sổ kép để sửa lỗi, đối chiếu giữa sao kê ngân hàng và sổ tiền mặt trong quá trình lập báo cáo tài chính cho các doanh nghiệp.

This subject will introduce the students to the accounting system, the qualitative characteristic of financial information, fundamentals of processing ledger transactions up to the trial balance stage. It also develop your knowledge and understanding of recording transaction of inventory, non-current assets, allowance, provision and contingencies, sales tax, accrual and prepayment. Students will be able to demonstrate technical proficiency in the use of double entry techniques to correct the errors, reconcile the bank statment and cash book while preparing basic financial statements for entities.

9.4. Kế toán tài chính 2 - ACCA/ Financial Accounting 2 - ACCA

Mã môn học (Course Code): FIA1483_CLC

Số tín chỉ (Credit): 04

Mô tả tóm tắt (Course Summary):

Môn học tổng hợp và hệ thống hóa kiến thức về hệ thống kế toán, từ việc ghi chép các giao dịch kinh tế, phân tích các thông tin tài chính cho đến việc lập các báo cáo tài chính cho các doanh nghiệp cũng như các tập đoàn. Môn học này đồng thời cũng củng cố lại kiến thức và hiểu biết của sinh viên về vận dụng các nguyên tắc, chuẩn mực, quy định liên quan đến kế toán tài chính. Kết thúc môn học, sinh viên có khả năng đạt được chứng nhận của ACCA về môn học FA - Kế toán tài chính..

This subject will summerise and systematize the knowledge about accounting system, from recording transactions, analyzing financial information to preparing financial

statements for corporations as well as group entities. It also revises your knowledge and understanding of underlying principles, concepts and regulations relating to financial accounting. After the course, students will be able to achieve the FA – Financial Accounting qualification of ACCA.

9.5. Kế toán quản trị 1 - ACCA/Management Accounting 1 - ACCA

Mã môn học (Course Code): FIA1393_CLC

Số tín chỉ (Credit): 04

Mô tả tóm tắt (Course Summary):

Môn học “Kế toán quản trị 1” giới thiệu cho sinh viên các nguyên tắc, kỹ thuật tính toán chi phí, giá thành cơ bản cùng với các công cụ sử dụng các nguyên tắc và kỹ thuật này để hỗ trợ cho hoạt động quản lý. Môn học tập trung vào các nội dung chính sau đây: - Giới thiệu chung về Kế toán quản trị - Nguồn dữ liệu và trình bày thông tin - Phân loại chi phí và sự thay đổi của chi phí theo mức độ hoạt động - Các kỹ thuật phân tích dữ liệu và thống kê - Kế toán chi phí - Tính giá thành theo công việc, theo lô hàng và dịch vụ - Tính giá thành theo quy trình sản xuất - Một số phương pháp tính giá thành khác

The subject “Management accounting 1” introduces students to basic costing principles and techniques and the tools with which to use these principles and techniques for support management. The main contents of the subject focus on: - Accounting for management - Sources of data and presenting information - Cost classification and cost behaviour - Data analysis and statistical techniques - Cost accounting - Job and Batch and service costing - Process costing - Alternative costing principles.

9.6. Kế toán quản trị 2 - ACCA/Management Accounting 2 - ACCA

Mã môn học (Course Code): FIA1394_CLC

Số tín chỉ (Credit): 04

Mô tả tóm tắt (Course Summary):

Môn học “Kế toán quản trị 2” giới thiệu cho sinh viên các nội dung cơ bản của kế toán quản trị phục vụ cho việc ra quyết định. Nội dung chính của đề tài tập trung vào: - Dự toán và dự toán linh hoạt - Lập ngân sách vốn dài hạn - Hệ thống chi phí tiêu chuẩn và chênh lệch chi phí - Chênh lệch doanh thu và Báo cáo hoạt động - Thiết lập mục tiêu và đo lường hiệu quả tài chính - Đánh giá hiệu quả phi tài chính.

The subject, Management Accounting 2, introduces students to elements of management accounting which are used to make and support decisions. The main contents of the subject focus on: - Budgeting and Behavioral aspects of budgeting - Capital expenditure budgeting - Standard costing systems and cost variances - Sales variances and operating statements - Target setting and financial performance measurement - Assessing non-financial performance The subject also.

9.7. Báo cáo tài chính 1 - ACCA/Financial Reporting 1 - ACCA

Mã môn học (Course Code): FIA1497_CLC

Mô tả tóm tắt (Course Summary):

Môn học cung cấp kiến thức giúp người học có thể hiểu về hệ thống báo cáo tài chính và phát triển các kỹ năng lập, phân tích báo cáo tài chính tại đơn vị độc lập cũng như lập và phân tích báo cáo tài chính hợp nhất cho tập đoàn có quy mô nhỏ. Đồng thời, môn học cũng cung cấp kiến thức giúp cho kế toán biết đến các kỹ năng sử dụng công nghệ trong quá trình lập báo cáo tài chính. Môn học gồm 5 nội dung cơ bản: Những khái niệm, nguyên tắc chung về báo cáo tài chính; nội dung và trình tự xử lý, kế toán các giao dịch có liên quan đến báo cáo tài chính như tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn, hàng tồn kho, doanh thu, thuế...; trình tự lập báo cáo tài chính; dựa trên các báo cáo đã lập môn học hướng dẫn nội dung phân tích; cuối cùng môn học giới thiệu cho người học cách ứng dụng công nghệ để lập báo cáo tài chính

This course provides the knowledge to help the learners know about the financial statements also developing the skills to prepare and analyse the financial statements at the single entity; prepare and analyse the consolidated financial statements for a simple group. In addition, this course's content has knowledge about the technology skills that may be used to support the accountant to prepare the financial reports. The course is designed into 5 main contents: The first content is about conceptual and regulatory frameworks of financial statements; Second, the course provides content and methods for handling and accounting for transactions related to financial statements such as current assets, non-current assets, inventory, and financial instruments, revenue, tax...; Third, instructions on the sequence and method of preparing financial reports including financial position, profit and loss, cash flow (by indirect method); Fourth, with the sample financial reports, the course guides to compute and analyse the financial indicators; Finally, the course guides learners in applying technology to prepare the financial reports.

9.8. Báo cáo tài chính 2 - ACCA/Financial Reporting 2 - ACCA**Mã môn học (Course Code):** FIA1498_CLC**Số tín chỉ (Credit):** 04**Mô tả tóm tắt (Course Summary):**

Môn học Báo cáo tài chính 2 (FR2) được thiết kế để trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu và kỹ năng trong việc lập, trình bày và giải thích báo cáo tài chính. Môn học này hướng dẫn sinh viên quy trình lập báo cáo tài chính cho các loại đơn vị khác nhau, qua đó, sinh viên sẽ có khả năng lập báo cáo tài chính bao gồm cả báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực quốc tế IFRS. Môn học này cũng nhấn mạnh đến việc giải thích và phân tích báo cáo tài chính. Sau khi học xong sinh viên sẽ có được kiến thức và kỹ năng về đánh giá hiệu quả hoạt động và tình hình tài chính của doanh nghiệp nhằm hỗ trợ cho việc đưa ra quyết định kinh doanh.

Financial Reporting (FR2) is designed to equip students with in-depth knowledge and practical skills in preparing, presenting and interpreting financial reports. This course guides students through the process of preparing financial statements for different types of

entities, through which students will be able to prepare financial reports including consolidated financial statements according to IFRS. This course also emphasizes the interpretation and analysis of financial statements. Students will gain skills to evaluate the performance and financial position of an organization, allowing them to make informed decisions.

9.9. Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo - ACCA/ Audit and Assurance - ACCA

Mã môn học (Course Code): FIA1495_CLC

Số tín chỉ (Credit): 04

Mô tả tóm tắt (Course Summary):

Mục đích của môn học Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về quy trình thực hiện Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo và ứng dụng được quy trình kiểm toán vào thực tế. Đầu tiên, môn học sẽ giới thiệu bản chất, mục đích và phạm vi của các hợp đồng đảm bảo. Sau đó, môn học sẽ bao gồm các nội dung nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng về lập kế hoạch kiểm toán và thực hiện đánh giá rủi ro, đánh giá kiểm soát nội bộ, bằng chứng kiểm toán và xem xét báo cáo tài chính. Cuối cùng, môn học tập trung vào hướng dẫn cách lập báo cáo kiểm toán, bao gồm hình thức và nội dung báo cáo của kiểm toán độc lập.

The aim of this course is to develop knowledge and understanding of the process of carrying out the assurance engagement and its application in the context of the professional regulatory framework. Firstly, the course will introduce the nature the nature, purpose and scope of assurance engagements. It then leads into planning the audit and performing risk assessment. The subject then covers a range of areas relating to an audit of financial statements including the scope of internal control and the role and function of internal audit. These include, evaluating internal controls, audit evidence, and a review of the financial statements. The final section concentrates on reporting, including the form and content of the independent auditor's report.

9.10. Quản trị hiệu quả hoạt động - ACCA/ Performance Management - ACCA

Mã môn học (Course Code): FIA1496_CLC

Số tín chỉ (Credit): 03

Mô tả tóm tắt (Course Summary):

Môn học cung cấp các kiến thức và kỹ năng để vận dụng kế toán quản trị vào công việc. Nội dung môn học gồm các kỹ thuật, ra quyết định, lập dự toán và định mức chi phí, phương pháp quản lý và giám sát hoạt động doanh nghiệp. Quản trị hoạt động là môn học nâng cao của kế toán quản trị trong hệ thống môn học thuộc ACCA, giúp người học áp dụng các kỹ thuật sử dụng trong kế toán quản trị và xác định các lợi ích của quản trị hoạt động đến doanh nghiệp.

The aim of this syllabus is to develop knowledge and skills in the application of management accounting techniques. It covers a number of specialist techniques, decision-making, budgeting and standard costing, concluding with how business performance

should be managed and controlled. Performance management requires students to be able to apply techniques of management accounting and think about their impact on the organisation.

9.11. Thuế 1 - ACCA/Taxation 1 - ACCA

Mã môn học (Course Code): FIA14100_CLC

Số tín chỉ (Credit): 04

Mô tả tóm tắt (Course Summary):

Học phần cung cấp các kiến thức tổng quan về thuế giúp sinh viên nắm được tổng quan về hệ thống thuế Việt Nam, các quy định về quản lý thuế tại Việt Nam. Tiếp theo học phần cung cấp các kiến thức về các loại thuế gồm Thuế Thu nhập cá nhân, Thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế GTGT và thuế Nhà thầu. Học phần cung cấp đầy đủ các thông tin thuộc môn học thuộc học phần F6-Vietnamese Taxation trong hệ thống môn học thuộc ACCA

The aim of this course is to develop the ability to prepare computations of tax liability for both individuals and businesses resident for the purposes of income tax, corporation tax, value added tax and Foreign Contractor tax. In addition, to develop knowledge and understanding of the manner in which dealings must be conducted of the statutory and the due dates for the payment of tax liabilities. The subject considers the separate taxes that a technician accountant would need to have knowledge of, such as personal income tax from self-employment, employment and investments, the corporation tax liability of individual companies, the value added tax liability of business, and the foreign contractor tax of contractors and sub-contractors. In addition an understanding of the administration aspects of these taxes should be gained, such as knowledge of the statutory timescales for the submission of claims and returns and the due dates for payment of tax liabilities.

9.12. Thuế 2 - ACCA/Taxation 2 - ACCA

Mã môn học (Course Code): FIA14101_CLC

Số tín chỉ (Credit): 02

Mô tả tóm tắt (Course Summary):

Học phần là nội dung nâng cao của học phần thuế 1, cung cấp cho sinh viên các kỹ năng cũng như khả năng vận dụng các kiến thức về thuế tiêu dùng, thuế tài sản và ứng dụng công nghệ trong việc xác định các loại thuế phải nộp.

The aim of this course is to develop the ability to prepare computations of tax liability for both individuals and businesses resident for the purposes of income tax, capital gain tax, consumption tax and foreign contractor tax. In addition, to develop knowledge and understanding of the manner in which dealings must be conducted of the statutory and the due dates for the payment of tax liabilities. The subject considers the separate taxes that a technician accountant would need to have knowledge of, such as income tax from individuals and organizations, the consumption taxes. In addition an understanding of the foreign contractor tax.

9.13. Kế toán thuế/Accounting for Taxation

Mã môn học (Course Code): FIA1499_CLC

Số tín chỉ (Credit): 03

Mô tả tóm tắt (Course Summary):

Môn học cung cấp cho người học các kiến thức tổng quan về thuế và kế toán thuế, các kiến thức và phương pháp hạch toán các loại thuế Xuất-Nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế nhà thầu. Bên cạnh đó môn học trang bị cho sinh viên các kỹ năng lập các báo cáo thuế, xử lý các trường hợp phát sinh liên quan đến báo cáo thuế. Môn học gồm 5 nội dung cơ bản: tổng quan về thuế; kế toán thuế giá trị gia tăng, kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp; kế toán thuế thu nhập cá nhân và cuối cùng là kế toán thuế nhà thầu, thuế khác, phí, lệ phí.

The course provides learners with general knowledge of taxes and tax accounting, knowledge and methods of accounting for value-added tax, corporate income tax, personal income tax, and foreign contractor tax. . In addition, the course equips students with the skills to prepare tax reports and handle the cases related to tax reports. The course includes 5 main contents: tax overview; tariff tax, special consumption tax, value added tax accounting, corporate income tax accounting; personal income tax accounting and finally foreign contractor tax accounting.

9.14. Quản trị tài chính 1 - ACCA/Financial Management 1 - ACCA

Mã môn học (Course Code): FIA14102_CLC

Số tín chỉ (Credit): 04

Mô tả tóm tắt (Course Summary):

Mục tiêu của học phần Quản trị tài chính 1 (FM1- Financial Management 1) là phát triển kiến thức và kỹ năng một nhà quản trị tài chính cho người học, liên quan tới các quyết định đầu tư, quản trị tài sản trong doanh nghiệp cũng như mối quan hệ giữa quản trị tài chính doanh nghiệp và môi trường kinh doanh. Khi hoàn thành học phần, người học có thể:

- Thảo luận về vai trò và mục tiêu của các chức năng quản trị tài chính
- Đánh giá và thảo luận ảnh hưởng của môi trường kinh tế tới hoạt động quản trị tài chính
- Thảo luận và vận dụng các kỹ thuật quản trị vốn lưu động
- Thực hiện đánh giá dự án đầu tư dài hạn.

The objective of Financial Management 1 (FM1) module is to develop the knowledge and skills of a financial manager for learners, related to investment decisions, asset management in enterprises as well as the relationship between corporate financial management and the business environment. Upon completion of the module, learners can:

- Discuss the roles and objectives of financial management functions;*
- Assess and discuss the impact of the economic environment on financial management;*
- Discuss and apply working capital management techniques;*
- Carry out effective investment appraisal.*

9.15. Quản trị tài chính 2 - ACCA/Financial Management 2 - ACCA

Mã môn học (Course Code): FIA14103_CLC

Số tín chỉ (Credit): 02

Mô tả tóm tắt (Course Summary):

Mục tiêu của học phần Quản trị tài chính 2 (FM2- Financial Management 2) là phát triển kiến thức và kỹ năng một nhà quản trị tài chính cho người học, liên quan tới các quyết định về nguồn tài chính, định giá và quản trị rủi ro trong doanh nghiệp. Khi hoàn thành học phần, người học có thể: - Xác định và đánh giá các nguồn tài chính khác nhau để tài trợ cho doanh nghiệp - Thảo luận và vận dụng các nguyên tắc trong đánh giá giá trị tài sản - Vận dụng kỹ thuật quản trị rủi ro trong doanh nghiệp.

The goal of the Financial Management 2 module (FM2- Financial Management 2) is to develop knowledge and skills as a financial administrator for learners, related to decisions on financial resources, valuation and management. risk management in businesses. When completing the module, learners can: - Identify and evaluate alternative financial sources to finance businesses; - Discuss and apply principles in asset valuations; - Apply techniques risk management in businesses.

9.16. Công nghệ và Dữ liệu Kế toán/Technology and Data in Accounting

Mã môn học (Course Code): FIA14105_CLC

Số tín chỉ (Credit): 02

Mô tả tóm tắt (Course Summary):

Học phần được thiết kế nhằm trang bị kiến thức cho sinh viên về hệ thống thông tin kế toán và ứng dụng dữ liệu kế toán trong tương lai. Học phần giới thiệu về đặc điểm của kế toán và dữ liệu kế toán trong môi trường công nghệ, đồng thời cung cấp các kiến thức về kỹ thuật phân tích, công cụ phân tích dữ liệu kế toán để ra quyết định kinh doanh. Thông qua việc thực hành, học phần sẽ phát triển các kỹ năng sử dụng các công cụ phần mềm dùng trong phân tích dữ liệu kế toán.

This course is designed to broaden the students knowledge of information systems with a particular emphasis on their future use of accounting data. This course introduces the characteristics of accounting data and accounting in technology environment, and provides knowledge about analytical techniques and accounting data analysis tools to make business decisions. Through practice, the module will develop skills in using software tools used in data analysis for future accounting professionals.

9.17. Kế toán doanh nghiệp Việt Nam/ Vietnam Corporate Accounting

Mã môn học (Course Code): FIA1392_CLC

Số tín chỉ (Credit): 03

Mô tả tóm tắt (Course Summary):

Môn học bao gồm các nội dung cơ bản: Kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu và ứng trước; Kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; Kế toán tài sản cố định và đầu tư; Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh; Kế toán các khoản nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu; báo cáo tài chính theo các quy định và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

The subject includes basic contents: Capital accounting in cash, receivables and

advance accounts; Accounting of raw materials and tools; Salary accounting and salary deduction; Accounting for fixed assets and investment; Accounting for production costs and product costs; Sales accounting and business results; Accounting of liabilities and equity; financial report according to Vietnam accounting regulations and standards.

10. MA TRẬN LIÊN KẾT CÁC HỌC PHẦN/MÔN HỌC VỚI CHUẨN ĐẦU RA
(Chi tiết kèm theo)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PGS.TS Trần Quang Anh

KẾ HOẠCH & TIẾN TRÌNH HỌC TẬP

NĂM HỌC THỨ NHẤT			NĂM HỌC THỨ HAI		
TT	Tên môn học/học phần	Số TC Học kỳ	TT	Tên môn học/học phần	Số TC Học kỳ
1	Triết học Mác Lênin (Philosophy of marxism and Leninism)	3	1	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)	2
2	Toán cao cấp cho kinh tế (Advanced mathematics for economics)	4	2	Tiếng Anh (Course 3)_CLC (English – Course 3- High quality)	8
3	Tiếng Anh (Course 1)_CLC (English – Course 1- High quality)	8	3	Kinh doanh và công nghệ 2 - ACCA (Business and Technology 2 - ACCA)	4
4	Giáo dục thể chất 1 (Physical education 1)		4	Kế toán tài chính 1-ACCA (Financial Accounting 1 -ACCA)	4
5	Giáo dục quốc phòng (National Defense Education)				
		15			18
6	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political economics of Marxism and Leninism)	2	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)	2
7	Tiếng Anh (Course 2)_CLC (English – Course 2- High quality)	8	6	Tin học cơ sở theo chuẩn quốc tế (Basic informatics- International standard)	3
8	Pháp luật đại cương (General law)	2	7	Luật kinh doanh (Business law)	2
9	Kinh doanh và công nghệ 1-ACCA (Business and Technology 1 - ACCA)	4	8	Tài chính tiền tệ (Money and finance)	3
10	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	3	9	Kế toán Quản trị 1 - ACCA (Management Accounting 1 - ACCA)	4
11	Giáo dục thể chất 2 (Physical education 2)		10	Kế toán tài chính 2 - ACCA (Financial Accounting 2 - ACCA)	4
		19			18
NĂM HỌC THỨ BA			NĂM HỌC THỨ TƯ		
TT	Tên môn học/học phần	Số TC Học kỳ	TT	Tên môn học/học phần	Số TC Học kỳ
1	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam (History of Vietnamese communist party)	2	1	Kế toán thuế (Tax Accounting)	3
2	Kế toán Quản trị 2 - ACCA (Management Accounting 2 - ACCA)	4	2	Thuế 2- ACCA (Taxation 2- ACCA)	2
3	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo - ACCA (Audit and Assurance - ACCA)	4	3	Quản trị tài chính 1 - ACCA (Financial Management 1 - ACCA)	4
4	Kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Vietnam Corporation Accounting)	3	4	Quản trị tài chính 2 - ACCA (Financial Management 2- ACCA)	2
5	Tổ hợp môn tự chọn *(Optional group 1)	6	5	Tổ hợp môn tự chọn *(Optional group 2)	6
		19			17
6	Thuế 1 - ACCA (Taxation 1 - ACCA)	4	6	Thực tập (Graduation Internship)	4
7	Báo cáo tài chính 1 - ACCA (Financial Reporting 1 - ACCA)	4	7	Tốt nghiệp/Đề án tốt nghiệp (Dissertation of Graduation Module)	6
8	Báo cáo tài chính 2 - ACCA (Financial Reporting 2 - ACCA)	2			
9	Quản trị hiệu quả hoạt động- ACCA (Performance Management - ACCA)	3			
10	Kiểm toán tài chính (Financial Audit)	3			
11	Hệ thống thông tin kế toán (Accounting Information System)	2			
		18			10
Thi F7			Thi F6, F9		
(*) Các tổ hợp học phần tự chọn /Optional groups			TỔNG CỘNG:		
(1) Tổ hợp tự chọn 1			(**) Các tổ hợp học phần tự chọn /Optional groups		
Đổi mới sáng tạo trong tài chính, kế toán (Innovation in accounting and Finance)			(1) Tổ hợp tự chọn 3		
Thanh toán quốc tế (Intenational payment)			Công nghệ và dữ liệu kế toán (Technology and data in Accounting)		
Đầu tư chứng khoán (Securities and Investments)			Ghi sổ và lập BCTC (Financial Recording and Reporting)		
(2) Tổ hợp tự chọn 2			Kế toán số (Digital Accounting)		
Phân tích hoạt động kinh doanh (Business analysis)			(2) Tổ hợp tự chọn 4		
Thương mại điện tử (Digital commerce)			Kiểm toán hoạt động (Performance Audit)		
Quản trị bán hàng (Sale Management)			Kiểm toán nội bộ (Internal Audit)		
Thi F1			Kiểm soát quản lý (Management Control)		

Thi F1 - F9: là các đợt thi lấy Chứng chỉ quốc tế ACCA

TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN - STANDARD LEARNING PROCESS
 NGÀNH ACCOUNTING INTERNATIONAL STANDARD WITH ACCA

	Semester 1	Semester 2	Semester 3	Semester 4	Semester 5	Semester 6	Semester 7	Semester 8
Lý luận chính trị	Triết học-Mác Lênin (3TC)	Kinh tế chính trị Mác Lênin (2TC)	Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC)	Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC)	Lịch sử Đảng CSVN (2TC)			
English	Course 1_CLC (8Cr)	Course 2_CLC (8 Cr)	Course 3_CLC (8Cr)					
Natural and Social Sciences	Advanced Mathematics for Economics (4Cr)	General Law (2Cr)						
Soft Skill	Presentation Skill	Teamwork skills	Word processing skill	Planning and organising in work skills	Communication skills	Problem solve skill	Creative thinking skill	
IT Skill				Basic Informatics - International Standard (3Cr)				
Fundamental Courses		Business and Technology 1 _ACCA (4Cr) Principles of Accounting (3Cr)	Business and Technology 2 _ACCA (4Cr) Financial Accounting1 _ACCA (4Cr)	Business Law (2Cr) Money and Finance (3Cr) Financial Accounting 2 _ACCA (4Cr) Management Accounting1 _ACCA (4Cr)	Accounting 2 _ACCA (4Cr) Vietnam Corporation Accounting (3Cr) Elective Courses (2 units - 6Cr)			
Elective courses (Select 3/6 courses)								
	Innovation in Accounting and Finance (2Cr)	International Payment (2 Cr)	Securities and Investment (2 Cr)	Business Analysis (2 Cr)	Digital Commerce (2 Cr)	Sale Management (2Cr)		
Professional Educational Knowledge				Audit and Assurance ACCA (4Cr)	Taxation 1_ ACCA (4Cr)	Tax Accounting (3Cr)	Taxation 2_ ACCA (2Cr)	Financial Management I (1 Cr)
					Financial Reporting 1 ACCA (4Cr)		Financial Reporting 2 ACCA (2Cr)	Financial Management II (1 Cr)

	Semester 1	Semester 2	Semester 3	Semester 4	Semester 5	Semester 6	Semester 7	Semester 8
						Performance Management - ACCA (3Cr) Financial Audit - CLC (3Cr) Accounting Information System - CLC (2Cr)	Financial Management - ACCA (2Cr) Elective Courses (2 units - 6Cr)	
	Elective courses (Select 2/6 courses)							
	Technology and Data in Accounting (2Cr)	Financial Recording and Reporting (2Cr)	Digital Accounting (2Cr)	Performance Audit (3Cr)	Internal Audit (2Cr)	Management Control (2Cr)		
Internship	Graduation Internship (4Cr)							
Graduation Thesis	Graduation Thesis (6Cr)							
Credits (Cr)	15 credits	19 credits	18 credits	18 credits	19 credits	18 credits	17 credits	10 credits

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC (TIỀN QUYẾT, TRƯỚC SAU, SONG HÀNH)
NGÀNH KẾ TOÁN CHẤT LƯỢNG CAO CHUẨN QUỐC TẾ - ACCA

TT	Tên môn học/học phần	Mã số môn học	Số TC	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	Tiền quyết	Môn học trước	Song hành
1	Triết học Mác - Lênin (Philosophy of marxism and Leninism)	BAS1150	3	HK1						
2	Toán cao cấp cho kinh tế (Advanced mathematics for economics)	BAS1267-CLC	4	HK1						
3	Tiếng Anh (Course 1)_CLC (English – Course 1- High quality)	BAS1162-CLC	8	HK1						
4	Giáo dục thể chất 1 (Physical education 1)	BAS1106		HK1						
5	Giáo dục quốc phòng (National Defense Education)	BAS1105		HK1						
6	Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Political economics of Marxism and Leninism)	BAS1151	2	HK2					Triết học Mác - Lênin	
7	Tiếng Anh (Course 2)_CLC (English – Course 2- High quality)	BAS1163-CLC	8	HK2					Tiếng Anh Course 1 CLC	
8	Pháp luật đại cương (General law)	BSA1221-CLC	2	HK2						
9	Kinh doanh và công nghệ 1 - ACCA (Business and Technology 1 - ACCA)	FIA1390_CLC	4	HK2						
10	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	FIA1321_CLC	3	HK2						
11	Giáo dục thể chất 2 (Physical education 2)	BAS1107		HK2						
12	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)	BAS1152	2	HK3					Kinh tế Chính trị Mác-Lênin	
13	Tiếng Anh (Course 3)_CLC (English – Course 3- High quality)	BAS1164-CLC	8	HK3					Tiếng Anh Course 2 CLC	
14	Business and Technology 2 - ACCA (Kinh doanh và công nghệ 2 - ACCA)	FIA1391_CLC	4	HK3						
15	Kế toán tài chính 1 - ACCA (Financial Accounting 1 -ACCA)	FIA1382_CLC	4	HK3					Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	
16	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)	BAS1122	2	HK4					Chủ nghĩa XHKH	
17	Tài chính tiền tệ (Money and finance)	FIA1326_CLC	3	HK4						
18	Kế toán quản trị 1 - ACCA (Management Accounting 1 - ACCA)	FIA1393_CLC	4	HK4					Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	
19	Kế toán tài chính 2 - ACCA (Financial Accounting 2 - ACCA)	FIA1483_CLC	4	HK4					Kế toán tài chính 1-ACCA (Financial Accounting 1 -ACCA)	

TT	Tên môn học/học phần	Mã số môn học	Số TC	Năm học Năm thứ 1 Năm thứ 2 Năm thứ 3 Năm thứ 4	Tiến quyết	Môn học trước	Song hành
20	Luật kinh doanh (Business law)	BSA1314_CLC	2	HK4			
21	Tin học cơ sở theo chuẩn quốc tế (Basic informatics- International standard)	INT11177-CLC	3	HK4			
22	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam (History of Vietnamese communist party)	BAS1153	2	HK5		Tư tưởng Hồ Chí Minh	
23	Kế toán Quản trị 2 - ACCA (Management Accounting 2 - ACCA)	FIA1394_CLC	4	HK5		Kế toán quản trị 1 - ACCA	
24	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo - ACCA (Audit and Assurance - ACCA)	FIA1495_CLC	4	HK5		Kế toán quản trị 1, 2 - ACCA	
25	Kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Vietnam Corporation Accounting)	FIA1392_CLC	3	HK5		Nguyên lý kế toán	
26	Tổ hợp môn tự chọn *(Optional group 1)		6	HK5		Tài chính tiền tệ	
27	Hệ thống thông tin kế toán (Accounting Information System)	FIA14 85_CLC	2	HK6		Nguyên lý kế toán	
28	Thuế 1 - ACCA (Taxation 1 - ACCA)	FIA14100_CLC	4	HK6		Tài chính tiền tệ (Money and finance)	
29	Báo cáo tài chính 1 - ACCA (Financial Reporting 1 - ACCA)	FIA1497_CLC	4	HK6		Kế toán tài chính 1 -ACCA, Kế toán tài chính 2 - ACCA	
30	Báo cáo tài chính 2 - ACCA (Financial Reporting 2 - ACCA)	FIA1498_CLC	2	HK6		Kế toán tài chính 1 -ACCA, Kế toán tài chính 2 - ACCA	
31	Kiểm toán tài chính (Financial Audit)	FIA1416_CLC	3	HK6		Kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Vietnam Corporation	
32	Quản trị hiệu quả hoạt động - ACCA (Performance Management - ACCA)	FIA1496_CLC	3	HK6		Kế toán Quản trị 2 - ACCA (Management Accounting 2 -	
33	Kế toán thuế (Tax Accounting)	FIA1499_CLC	3	HK7		Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	
34	Thuế 2 - ACCA (Taxation 2 - ACCA)	FIA14101_CLC	2	HK7		Thuế 1 - ACCA/ Taxation 1 - ACCA	
35	Quản trị tài chính 1 - ACCA (Financial Management 1 - ACCA)	FIA14102_CLC	4	HK7		Tài chính tiền tệ (Money and finance)	
36	Quản trị tài chính 2 - ACCA (Financial Management 2- ACCA)	FIA14103_CLC	2	HK7		Tài chính tiền tệ (Money and finance)	
37	Tổ hợp môn tự chọn **(Optional group 2)		6	HK7			
38	Thực tập (Graduation Internship)	FIA15106_CLC	4	HK8			
39	Tốt nghiệp/Đề án tốt nghiệp (Dissertation of Gradution Module)	FIA15107_CLC	6	HK8			

TT	Tên môn học/học phần	Mã số môn học	Số TC	Năm học			Tiêu quyết	Môn học trước	Song hành
				Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4		
(*) Các tổ hợp học phần tự chọn/chọn 1 trong 2 tổ hợp sau (Optional groups/Seclect 1 from 2)									
	(1) Tổ hợp 1/Optional group 1								
	Đổi mới sáng tạo trong tài chính kế toán (Innovation in accounting and Finance)		2						
	Thanh toán quốc tế (International Payment)		2						
	Đầu tư chứng khoán (Securites and Investment)		2						
	(2) Tổ hợp 2/ Optional group 2								
	Phân tích hoạt động kinh doanh (Business Analysis)		2						
	Thương mại điện tử (E- Commerce)		2						
	Quản trị bán hàng (Sale Management)		2						
(**) Các tổ hợp học phần tự chọn/chọn 1 trong 2 tổ hợp sau (Optional groups/Seclect 1 from 2)									
	(3) Tổ hợp 3/Optional group 3								
	Công nghệ và dữ liệu kế toán (Technology and data in Accounting)		2						
	Ghi sổ và lập BCTC (Financial Recording and Reporting)		2						
	Kế toán số (Digital Accounting)		2						
	(4) Tổ hợp 4/ Optional group 4								
	Kiểm toán hoạt động (Performance Audit)		2						
	Kiểm toán nội bộ (Internal Audit)		2						
	Kiểm soát quản lý (Management Control)		2						

STT	HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA									
		LO1	LO2	LO3	LO4	LO5	LO6	LO7	LO8	LO9	LO10
27	<i>Quản trị bán hàng (Sale Management)</i>	3									3
	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH										
28	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo - ACCA (Audit and Assurance - ACCA)		4		4		4	4		4	
29	Quản trị hiệu quả hoạt động - ACCA (Performance Management - ACCA)			4	4	4		4			4
30	Báo cáo tài chính 1- ACCA (Financial Reporting 1 - ACCA)		4		4			4		4	4
31	Báo cáo tài chính 2 - ACCA (Financial Reporting 2 - ACCA)		4		4	4		4			4
32	Kiểm toán tài chính (Financial Auditting)		4		4						4
33	Kế toán thuế (Tax Accounting)		4		4	4				4	4
34	Thuế 1 - ACCA (Taxation 1 - ACCA)		4					4		4	4
35	Thuế 2 - ACCA (Taxation 2 - ACCA)		4		4			4		4	4
36	Quản trị tài chính 1 - ACCA (Financial Management 1 - ACCA)		4	4	4			4		4	4
37	Quản trị tài chính 2 - ACCA (Financial Management 2 - ACCA)		4		4			4		4	4
38	Hệ thống thông tin kế toán (Accounting Information System)		4		4	4		4		4	4
	<i>Tổ hợp học phần lựa chọn ** (chọn 1 trong 3 tổ hợp môn gồm 6 tín chỉ)</i>		3	3					3		
	Tổ hợp tự chọn 3										
39	<i>Công nghệ và dữ liệu kế toán (Technology and data in Accounting)</i>		3	3			3		3		
40	<i>Ghi sổ và lập BCTC (Financial Recording and Reporting)</i>		3		3				3		
41	<i>Kế toán số (Digital Accounting)</i>		3		3				3		
	Tổ hợp tự chọn 4										
42	<i>Kiểm toán hoạt động (Performance Audit)</i>		3		3					3	
43	<i>Kiểm toán nội bộ (Internal Audit)</i>		3		3					3	
44	<i>Kiểm soát quản lý (Management Control)</i>		3		3						3
45	Thực tập (Graduation Internship)										
46	Tốt nghiệp/Đề án tốt nghiệp (Dissertation of Graduation Module)	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
	Kỹ năng mềm										
	Kỹ năng thuyết trình (Presentation Skill)						3				
	Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork Skill)						3				
	Kỹ năng tạo lập văn bản (word Processing Skill)						3				
	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc (Planning and Organsing in Work Skill)						3				
	Kỹ năng giao tiếp (Communication Skill)						3				
	Kỹ năng giải quyết vấn đề (Promlem Sovle Skill)						3				
	Kỹ năng tư duy sáng tạo (Creative Skill)						3				